| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CAO LÃNH**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 46/2023/QĐST-DS | *Thành phố Cao Lãnh, ngày 10 tháng 7 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2023, về việc *"Tranh chấp về dân sự - Chia tài sản thuộc sở hữu chung"*.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Phạm Thanh V, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 29, khóm M, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đp. (Hợp đồng ủy quyền chứng thực ngày 17/10/2022).

- *Bị đơn:* Lê Đông K, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Bùi Thị Ngọc A (có ông Phạm Thanh V là người đại diện theo ủy quyền) và ông Lê Đông K thống nhất chia tài sản thuộc sở hữu chung của bà Bùi Thị Ngọc A và ông Lê Đông K phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 733.7m$^2$ trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 theo Sơ đồ đo đạc ngày 09/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C thuộc thửa 287 tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đ ra thành 02 phần:

1. Phần diện tích đo đạc thực tế 554.0m$^2$ trong phạm vi các mốc 3, 4, 5, 6, 7, 3 sẽ thuộc quyền sử dụng của bà Bùi Thị Ngọc A.

2. Phần diện tích đo đạc thực tế 179.7m$^2$ trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 7, 1 sẽ thuộc quyền sử dụng của ông Lê Đông K.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/02/2023 của Tòa

án nhân dân thành phố C và Sơ đồ đo đạc ngày 09/02/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 287, tờ bản đồ số 6, diện tích 727,8m$^2$ tại xã T, thành phố C, tỉnh Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho bà Bùi Thị Ngọc A và ông Lê Đông K vào ngày 04/11/2022 để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Bùi Thị Ngọc A và ông Lê Đông K theo thỏa thuận phân chia như trên.

Bà Bùi Thị Ngọc A và ông Lê Đông K có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai và đăng ký đối với diện tích đất được sử dụng và chịu trách nhiệm nộp các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc A tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.947.250 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0011911 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Bà Bùi Thị Ngọc A phải nộp tiếp số tiền 1.447.250 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Lê Đông K tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.280.362 đồng (một triệu hai trăm tám mươi nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

- Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, tổng cộng số tiền 2.894.000 đồng (hai triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng) do bà Bùi Thị Ngọc A tự nguyện chịu, bà Bùi Thị Ngọc A đã nộp và chi xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Ong Thị Ngọc Tâm**